

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC CHĂN NUÔI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 183 /CN-KHTC

V/v xây dựng Bộ chỉ số giám sát,
đánh giá tái cơ cấu ngành chăn nuôi

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2015

Kính gửi: Vụ Kế hoạch

Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1823/TB-BNN-VP ngày 03/03/2015 về việc thông báo kết luận tại cuộc họp về xây dựng Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, Cục Chăn nuôi đã rà soát và đề xuất Bộ chỉ số giám sát đánh giá tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi, cụ thể:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu		Khả năng thu thập số liệu	Nguồn số liệu	Ghi chú
			Hiện trạng 2013	Mục tiêu 2020			
1	Chuyển đổi vùng chăn nuôi						
	Chăn nuôi lợn				Có	NGTK	
	- Vùng ĐBSH	%	25,74	15,0			
	- Vùng Đông Nam Bộ	%	10,51	5,0			
	- Trung du MNPB	%	24,1	30,0			
	- Vùng Bắc Trung Bộ	%	19,38	24,0			
	- Vùng Tây Nguyên	%	6,58	15,0			
	Chăn nuôi gà	%			Có	NGTK	Duy trì ở các vùng khác
	- Vùng Tây Nguyên	%	5,5	20,0			
	Chăn nuôi vịt				Có	NGTK	Duy trì ở các vùng khác
	- Trung du MNPB	%	9,48	15,0			
	- Vùng Duyên hải miền Trung	%	23,3	31,0			
	Chăn nuôi bò:				Có	NGTK	
	- Bò thịt phát triển ở khu vực Trung du MNPB và Duyên hải miền Trung				Có	NGTK	
	- Bò sữa chuyển sang nuôi công nghệ cao điện, trạm xử lý môi trường...				Có	NGTK	
2	Cơ cấu thịt các loại						
	Thịt lợn	%	74,2	62,0	Có	Điều tra và NGTK	

09945555

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu		Khả năng thu thập số liệu	Nguồn số liệu	Ghi chú
			Hiện trạng 2013	Mục tiêu 2020			
	Thịt gia cầm	%	17,3	28,0	Có	Điều tra và NGTK	
	Thịt trâu, bò	%	8,5	10,0	Có	Điều tra và NGTK	
3	Cơ cấu từng loại vật nuôi						
	Đối với lợn						
	- Tỷ lệ lợn nái ngoại	%	19,8	30-33	Có	Điều tra	
	- Tỷ lệ lợn thịt giống ngoại và lai	%	-	75	Có	Điều tra	
	Đối với bò	%	74,2	62,0			
	- Tỷ lệ bò thịt lai	%	47,6	70	Có	Điều tra	
	- Đàn bò sữa	1000 con	184,5	300	Có	NGTK	
	- Sản lượng sữa tươi	1000 tấn	456,4	900	Có	NGTK	
4	Tái cơ cấu phương thức chăn nuôi						
	Tỷ lệ chăn nuôi trang trại						
	- Lợn (theo đầu con)	%	30,0	52,0	Có	Điều tra	
	- Lợn (theo SL thịt)	%	40,0	60,0	Có	Điều tra	
	- Gà (theo đầu con)	%	30,0	60,0	Có	Điều tra	
	- Gà (theo SL thịt)	%	45,0	75,0	Có	Điều tra	
5	Tái cơ cấu theo chuỗi giá trị						
	Xuất khẩu thịt lợn hơi	1000 tấn	22,5 (năm 2014)	1.000	Có	TCHQ	
	Xuất khẩu trứng vịt muối	Triệu quả	25,7 (năm 2014)	1.000-2.000	Có	TCHQ	

Cục Chăn nuôi đề nghị Quý Vụ tổng hợp trình Bộ phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục (để biết);
- P.GC&GSN, P.GSL;
- Lưu: VT, KHTC.

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Thanh Vân